

BÀI 4

NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu (hình ảnh, ngôn ngữ) của những bài ca về chủ đề than thân và chủ đề châm biếm trong bài học.
- Thuộc những bài ca dao trong hai văn bản.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Những bài ca thuộc chủ đề than thân và chủ đề châm biếm có số lượng rất phong phú. Nội dung cảm xúc của những bài ca này rất đa dạng, chứa đựng ý nghĩa *nhân đạo* và *dân chủ sâu sắc*. Về nghệ thuật, những bài ca này cũng có *cách diễn tả riêng*, thể hiện ở *hình ảnh* và *ngôn ngữ*. Khi hướng dẫn HS tìm hiểu bài học, GV cần chú ý những điều đó.

2. Trong nghiên cứu, phân tích tác phẩm văn học dân gian nói chung, ca dao nói riêng, đặt tác phẩm trong hệ thống của nó (hệ thống chủ đề, hình ảnh, ngôn ngữ) là rất quan trọng. Các câu hỏi phần Đọc – hiểu văn bản đã chú ý nhiều tới vấn đề này. GV cần thấy tầm quan trọng của vấn đề khi chuẩn bị bài và hướng dẫn HS hoạt động ở lớp học.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

1. Giới thiệu bài

– Ca dao, dân ca là tấm gương phản ánh đời sống, tâm hồn nhân dân. Nó không chỉ là tiếng hát yêu thương, tình nghĩa trong các mối quan hệ từng gia đình, quan hệ con người đối với quê hương, đất nước, mà còn là tiếng hát than thở về những cuộc đời, cảnh ngộ khổ cực, đắng cay.

– Những bài ca than thân có số lượng lớn và là những bài ca rất tiêu biểu trong kho tàng ca dao, dân ca Việt Nam. Những bài ca này, ngoài ý nghĩa than thân, đồng cảm với nỗi niềm, cuộc đời đau khổ, đắng cay của người nông dân, người phụ nữ,... còn có ý nghĩa tố cáo xã hội phong kiến. Các ý nghĩa đó được thể hiện sinh động, sâu sắc qua hệ thống hình ảnh, ngôn ngữ rất đa dạng và đặc thù trong các bài ca.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS đọc văn bản và các chú thích trang 48 và 49, SGK. Khi tìm hiểu chú thích, cần hướng dẫn HS tập trung vào nghĩa chính của từ, nhóm từ trong *văn cảnh bài ca*.

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS trả lời, thảo luận các câu hỏi trong phần Đọc – hiểu văn bản, trang 49, SGK.

Câu hỏi 1

a) Khi sưu tầm, HS dễ xa rời câu hỏi, tìm các bài ca có hình ảnh con cò, trong khi câu hỏi yêu cầu sưu tầm những bài ca mà người nông dân "mượn hình ảnh con cò để diễn tả cuộc đời, thân phận của mình". Phần Đọc thêm, trang 50, SGK có giới thiệu một số bài ca dao phù hợp với câu hỏi. Ngoài ra, GV có thể dẫn ra một số ví dụ khác, như :

– *Trời mưa*

Quả dưa vẹo vẹo

Con ốc nầm co

Con tôm đánh đáo

Con cò kiếm ăn.

– *Con cò lặn lội bờ sông*

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.

b) Trong ca dao, người nông dân thời xưa thường mượn hình ảnh con cò để diễn tả cuộc đời, thân phận của mình, vì :

– "Trong các loài chim kiếm ăn ở ruộng đồng, chỉ có con cò thường gần người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thường thấy con cò ở bên họ : con cò lặn lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruộng rìa lông rìa cánh, ngầm nghĩa người nông dân,... Con cò gợi hứng cho họ nhiều" (Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978).

– Con cò có nhiều đặc điểm giống cuộc đời, phẩm chất người nông dân : gắn bó với đồng ruộng, chịu khó, lặn lội kiếm sống.

Câu hỏi 2

a) Cuộc đời lận đận, vất vả, cay đắng của con cò :

– Con cò khó nhọc, vất vả vì gặp quá nhiều khó khăn, trắc trở, ngang trái : một mình phải lận đận giữa nước non, thân cò gầy guộc mà phải lên thác xuống ghềnh. Nó gặp nhiều cảnh "bể đầy, ao cạn" ngang trái, khó nhọc và kiết sống một cách vất vả.

– Về nghệ thuật diễn tả : hướng dẫn HS phát hiện, phân tích các chi tiết sau và ý nghĩa của chúng :

+ Các từ láy

+ Sự đối lập :

nước non >< một mình

thân cò (nhỏ bé, gầy guộc) >< thác ghềnh

+ Các từ đối lập :

lên (thác) >< xuống (ghềnh)

(bé) đầy >< (ao) cạn

+ Những hình ảnh, từ ngữ miêu tả hình dáng, số phận con cò :

thân cò, gầy cò con

+ Hình thức nêu câu hỏi ở hai dòng cuối bài.

Các chi tiết nghệ thuật đó đã góp phần khắc họa những hoàn cảnh khó khăn ngang trái mà cò gặp phải và sự gieo neo, khó nhọc, cay đắng của con cò.

– Con cò trong bài ca dao này là biểu tượng chân thực và xúc động cho hình ảnh và cuộc đời vất vả và gian khổ của người nông dân trong xã hội cũ.

b) Ngoài nội dung than thân (người nông dân mượn hình ảnh con cò để diễn tả cuộc đời, thân phận của mình – như gợi ý phân tích ở trên), bài ca dao còn có nội dung phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến trước đây. Sống trong xã hội áp bức, bất công ấy, thân cò phải "lên thác xuống ghềnh" lận đận. Chính xã hội ấy tạo nên những cảnh ngang trái, làm cho lúc thì "bé đầy", lúc thì "ao cạn", khiến "cho gầy cò con".

Câu hỏi 3

a) Bài 2 là lời người lao động thương cho thân phận của những người khổn khổ và cũng là của chính mình trong xã hội cũ. "Thương thay" là tiếng than biểu hiện sự thương cảm, xót xa ở mức độ cao.

b) *Thương thay* được lặp lại bốn lần. Ý nghĩa của sự lặp lại ấy là :

– Mỗi lần được sử dụng là một lần diễn tả một nỗi thương – thương thân phận mình và thân phận người cùng cảnh ngộ. Bốn câu ca dao – bốn nỗi thương. Sự lặp lại tô đậm mối thương cảm, xót xa cho cuộc đời cay đắng nhiều bể của người dân thường.

– Sự lặp lại còn có ý nghĩa kết nối và mở ra những nỗi thương khác nhau. Mỗi lần lặp lại, tình ý của bài ca lại được phát triển.

Câu hỏi 4

Những nỗi thương thân của người lao động qua các hình ảnh ẩn dụ.

Khi hướng dẫn trả lời, thảo luận câu hỏi này, cần lưu ý HS :

a) Không nên giảng nghĩa mỗi hình ảnh một cách sát sạt đến mức thô thiển vì nó "không mang một nghĩa cụ thể duy nhất mà ứng với cả một dải nghĩa"⁽¹⁾ (Chẳng hạn, tránh giảng nghĩa theo cách sau : *con tằm nhả tơ* = lao động trí óc).

b) Chú ý : Phân tích cả nội dung, cả nghệ thuật của các hình ảnh.

Dưới đây là mấy ý chính :

– Trong ca dao, tác giả dân gian có thói quen khi nhìn sự vật thường liên hệ đến cảnh ngộ mình, vận vào thân phận mình. Đồng thời họ cũng thường có sự đồng cảm tự nhiên với những con vật bé nhỏ, tội nghiệp (*con sâu, cái kiến, con cò, con vạc, con hạc giữa trời, con hạc đầu đình, con cuốc kêu sương, con cuốc kêu ra máu*) mà họ cho là cũng có số kiếp, thân phận khổn khổ như mình.

– Những hình ảnh ẩn dụ trong bài đều đi kèm với sự miêu tả bổ sung, chi tiết. Ví dụ, ẩn dụ *con tằm* được miêu tả bổ sung : "Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ". Vì vậy những nỗi thương không chung chung mà cụ thể, xúc động hơn.

– Nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ :

+ Thương *con tằm* "Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ" là thương cho thân phận suốt đời bị kẻ khác bòn rút sức lực.

+ Thương *Iũ kiến li ti* "Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi" là thương cho nỗi khổ chung của những thân phận nhỏ nhoi suốt đời xuôi ngược vất vả làm lụng mà vẫn nghèo khó.

+ Thương *con hạc* "lánh đường mây", "bay mỏi cánh biết ngày nào thôi" là thương cho cuộc đời phiêu bạt, lận đận và những cố gắng vô vọng của người lao động trong xã hội cũ.

+ Thương *con cuốc* "kêu ra máu có người nào nghe" là thương cho thân phận thấp cổ bé họng, nỗi khổ đau oan trái không được lẽ công bằng nào soi tỏ của người lao động.

(1) Đỗ Bình Trị, *Văn học 7, tập hai* (Sách giáo viên), NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

Tóm lại, những hình ảnh ẩn dụ trong bài 2 biểu hiện cho nỗi khổ nhiều bể của nhiều phận người trong xã hội cũ.

Câu hỏi 5*

a) Phần sưu tầm, có thể HS giới thiệu cả những bài tuy mở đầu bằng "Thân em" nhưng không thuộc chủ đề than thân (ví dụ : "Thân em như tấm lụa điêu, Đã đồng nơi chuộng lại nhiều nơi thương"). Gặp các trường hợp như vậy, GV nên giới hạn chủ đề sưu tầm.

b) Những bài ca thuộc chủ đề than thân mở đầu bằng "Thân em" thường nói về thân phận, nỗi khổ đau của người phụ nữ trong xã hội cũ. Nỗi khổ lớn nhất là số phận bị phụ thuộc, không được quyền quyết định bất cứ cái gì. Ví dụ :

– *Thân em như hạt mưa sa,*

Hạt vào dài các, hạt ra ruộng cày.

– *Thân em như giếng giữa đàng,*

Người thanh rửa mặt, người phàm rửa chân.

– *Thân em như tấm lụa đào,*

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

Có bài biểu hiện những đau khổ khác : "Thân em như củ ấu gai, Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen".

Những bài ca trên có một số điểm giống nhau về nghệ thuật :

– Mở đầu bằng cụm từ "Thân em" (GV có thể phân tích cụm từ này. "Thân em" chỉ thân phận tội nghiệp, đắng cay, gợi sự đồng cảm sâu sắc).

– Là những bài ca có hình ảnh so sánh để miêu tả cụ thể, chi tiết về thân phận và nỗi khổ của người phụ nữ.

c) Từ câu hỏi này, GV nên nói về tính lặp lại, tính hệ thống để HS thấy rõ thêm đặc trưng của ca dao, dân ca.

Câu hỏi 6

a) Bài 3 diễn tả thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ. Hình ảnh so sánh trong bài có một số nét đặc biệt :

– Tên gọi của hình ảnh (trái bần) dễ gợi sự liên tưởng đến thân phận nghèo khó. (Đối với lớp có nhiều HS khá, giỏi, GV có thể nói thêm : Trong ca dao, dân

• Đều có những cụm từ mang tính truyền thống, được sử dụng nhiều trong ca dao ("lên thác xuống ghềnh", "Thương thay", "Thân em", ...) và đều có hình thức câu hỏi tu từ.

ca Nam Bộ, các hình ảnh cây (trái) *bần, mù u, sầu riêng* thường gợi đến cuộc đời, thân phận đau khổ, đắng cay. Ngoài ra hình ảnh này cũng phản ánh tính địa phương trong ca dao⁽¹⁾.

– Hình ảnh so sánh được miêu tả bổ sung, chi tiết. Trái bần bé mọn bị "gió dập sóng dỗi" xô đẩy, quăng quật trên sông nước mênh mông, không biết "tắp vào đâu". Nó gợi số phận chìm nổi, lênh đênh, vô định của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

b) Bài ca dao diễn tả xúc động, chân thực cuộc đời, thân phận nhỏ bé, đắng cay của người phụ nữ xưa. Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ như trái bần nhỏ bé bị "gió dập sóng dỗi", chịu nhiều đau khổ. Họ hoàn toàn lệ thuộc vào hoàn cảnh. Người phụ nữ không có quyền tự mình quyết định cuộc đời. Xã hội phong kiến luôn muốn nhấn chìm họ.

Bài ca dao này có thể ví như tiếng nói than thân, phản kháng của những Hồ Xuân Hương bình dân.

(Lưu ý : Ý 2 của câu hỏi này, GV cần hướng dẫn HS dùng chính những hình ảnh trong bài ca để nói về cuộc đời người phụ nữ, tránh tình trạng trả lời theo cách "xã hội học".)

Hoạt động 3. GV hướng dẫn HS luyện tập.

– Để nêu được những điểm chung về nội dung và nghệ thuật của ba bài ca dao, GV cho HS đọc lại văn bản và thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến phát biểu.

– Cần lưu ý những điểm chung sau đây :

+ Về nội dung :

- Cả ba bài đều diễn tả cuộc đời, thân phận con người trong xã hội cũ.
- Cả ba bài, ngoài ý nghĩa chính là "than thân", còn có ý nghĩa phản kháng.

+ Về nghệ thuật :

- Cả ba bài đều sử dụng thể thơ lục bát và có âm điệu than thân thương cảm.
- Cả ba bài đều sử dụng những hình ảnh so sánh hoặc ẩn dụ mang tính truyền thống của ca dao để diễn tả cuộc đời, thân phận con người (con cò, con tằm, con kiến, trái bần,...).

(1) Bùi Mạnh Nhị, *Một số đặc điểm ngôn ngữ của ca dao, dân ca Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 1, 1984.